

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 16 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH H

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ T - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc D – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 97/2022/QĐ-ST ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Chị Cao Thị L**, sinh ngày: 10/6/1979, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã V, huyện X, tỉnh H; hiện đang lao động tại Malaysia, đề nghị giải quyết vắng mặt

- Người yêu cầu: **Anh Trần Văn Đ**, sinh ngày: 10/10/197A, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã V, huyện X, tỉnh H, đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo nội dung Đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:

Chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh L. Theo đăng ký số A1, ngày 21/10/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại L và có 02 con chung. Năm 2007, chị Cao Thị L đi lao động tại Malayxia. Từ đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng nhau dẫn đến không còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2007, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Cao Thị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày: 11/8/2000 và Trần Đại P, sinh ngày: 01/5/200A, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân gia đình, anh Trần Văn Đ đi làm ăn xa, đã gọi điện trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Cao Thị L khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung chị Cao Thị L trình bày trong đơn khởi kiện. Do khoảng cách địa lý xa xôi, không tin tưởng, phát sinh bất đồng quan điểm nên đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, anh Trần Văn Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc, điều kiện đi lại khó khăn, anh Trần Văn Đ không đến Tòa án để giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng cho mẹ đẻ là bà Đặng Thị Viên, địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện X, tỉnh H.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, A70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, khoản 2 Điều 12A, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/200A/NQ-HĐTP ngày 16/4/200A của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 25A/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết A26/2016/UBTVQH ngày A0/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ, về con chung: hai con chung đều đã trưởng thành; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 2640/QLXNC-P5 ngày 27/01/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện “*Chị Cao Thị L đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất vào ngày A0/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều A, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, A7, A9, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H.

[1.2] Chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều A67 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.A] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, anh Trần Văn Đ trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của chị Cao Thị L, không tranh chấp. Do công việc, anh Đ không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho mẹ đẻ là bà Cao Thị Viên. Vì vậy, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Trần Văn Đ thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Chị Cao Thị L có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, A97 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 22/2022/TB-TA ngày 02/5/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 9A, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Trần Văn Đ và chị Cao Thị L được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần P mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Mâu thuẫn phát sinh khi chị Cao Thị L đi làm việc tại Malaysia, vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm, ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.A] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Liên, anh Đ như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp.

Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của chị Cao Thị L và anh Trần Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai con chung đều đã trưởng thành nên miễn xét.

[2.A] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[A] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung của các đương sự.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 147, A61, A62, A67, A69, A70 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, khoản 2 Điều 12A, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Cao Thị L, sinh ngày: 10/6/1979, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã V, huyện X, tỉnh H; hiện đang lao động tại Malaysia và anh Trần Văn Đ, sinh ngày: 10/10/197A, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã V, huyện X, tỉnh H.

2. Về con chung: Hai con chung đều đã trưởng thành nên miễn xét.

A. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, A7 Nghị quyết số A26/2016/UBTVQH14 ngày A0/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm A00.000 đồng của chị Cao Thị L (chị Cao Thị Hiền nộp thay) theo biên lai số 0000172 ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh H.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thị Lệ T